TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2019/QĐST- DS	*Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 463, 465, 468, 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 144, 145 Luật nhà ở;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: số ...9 L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Đ – Chuyên viên xử lý nợ KHCN PƯN- V...Bank AMC (theo văn bản ủy quyền số 3784/2019/UQ-V...B ngày 16/5/2019).

Bị đơn:

1. Ông **Trần Hữu N**, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu N: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Hữu C**, sinh năm 1945; Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu C: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh(theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1947, Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, Trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T vay Ngân hàng TMCP V theo 02 Hợp đồng tín dụng với số tiền là 1,141,000,000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu đồng chẵn), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng cấp Hạn mức tín dụng dự phòng số 11763002 ngày 06/02/2017. Khế ước nhận nợ lần 02/ số 11763002**,** số tiền vay: 966.000.000 đồng. Thời hạn vay 09 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh lương thực. Lãi suất trong hạn: 11,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/02/2018, mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi phạt chậm trả: bằng 150% lãi suất trong hạn (x) số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả lãi.

- Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 15/07/2016, số tiền vay: 175.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm nội thất gia đình. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 20%/năm, Mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/03/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2016. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Để đảm bảo cho các khoản vay của ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T ông Trần Hữu C và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: …91, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ tại: xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đất số S 994095 do UBND

huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/06/2001 mang tên Trần Hữu C.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T đã trả được 137.343.877 đồng tiền gốc và 165.319.836 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/8/2018 ông N bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 01/11/2019 ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là: 1.240.492.307 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.003.656.123 đồng, lãi trong hạn, quá hạn: 214.434.646 đồng, phạt chậm trả lãi: 22.401.538 đồng. Ngân hàng TMCP V không yêu cầu ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T trả tiền phạt chậm trả là 22.401.538 đồng. Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T chấp nhận trả số nợ theo hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 01/11/2019 là **1.218.090.769 đồng,** trong đó: nợ gốc: 1.003.656.123 đồng, lãi trong hạn, quá hạn: 214.434.646 đồng và đồng ý tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 02/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ. Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: …91, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ tại: xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đất số S 994095 do UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/06/2001 mang tên Trần Hữu C theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị T phải chịu 24.271.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 11.440.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001319 ngày 31/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTPHT;
- THADSTPHT;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Đức Chính